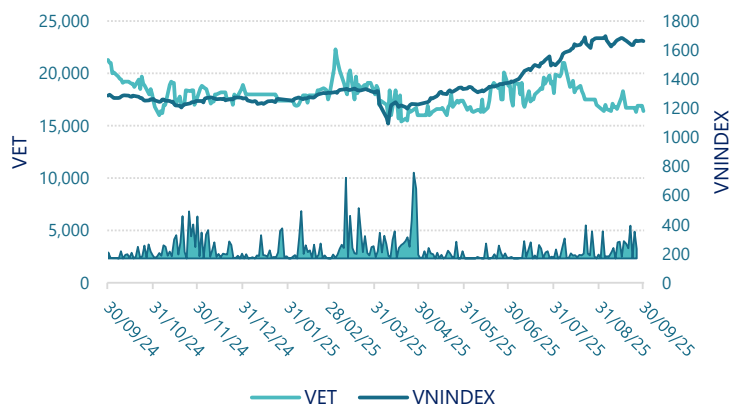


CTCP Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO (UPCOM: VET)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,400
SL cổ phiếu LH	16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,220
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	262
P/E	-7.6
EPS	-2,152

DT thuần

Q3/25

56.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.1| -37.7%

YoY: ▼37.4| -39.9%

LN sau thuế

Q3/25

4.39

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.53| -50.8%

YoY: ▲2.55| 139%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.8%

+/- YoY: ▲6.5%

DT thuần

9T 2025

203

tỷ VNĐ

YoY: ▼44.0| -17.9%

LN sau thuế

9T 2025

13.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲5.64| 70.5%

ROE

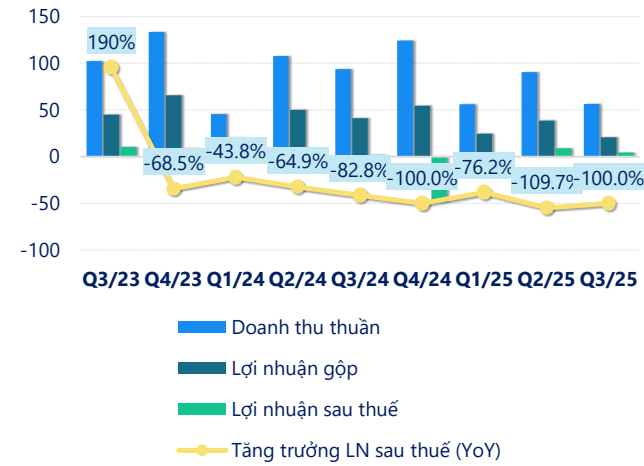
Q3/25

-11.1%

+/- YoY: ▼16.3%

tỷ VNĐ

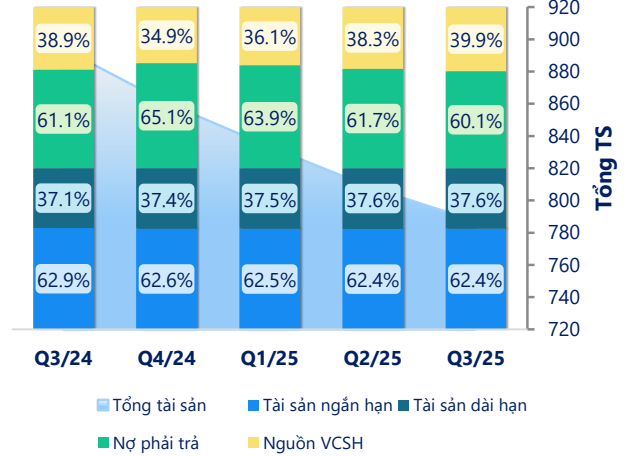
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

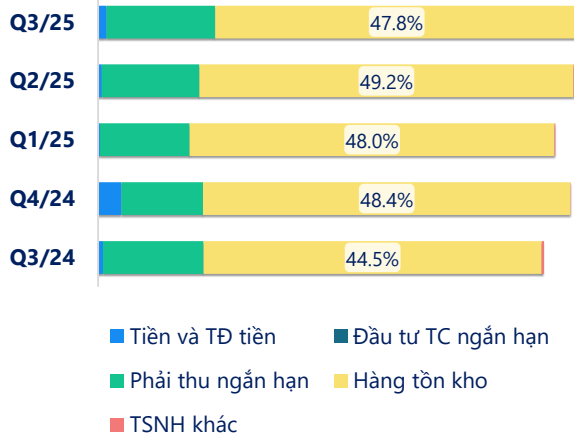
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



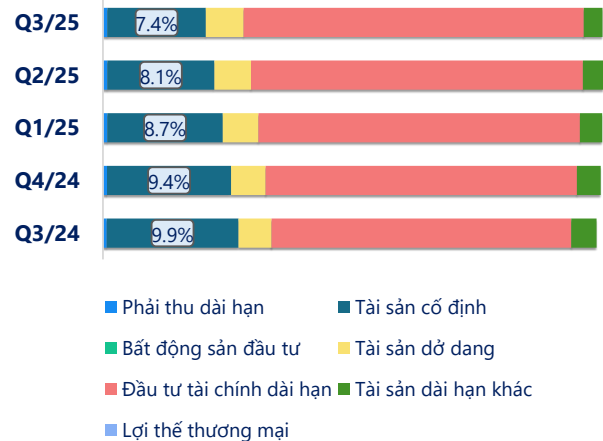
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

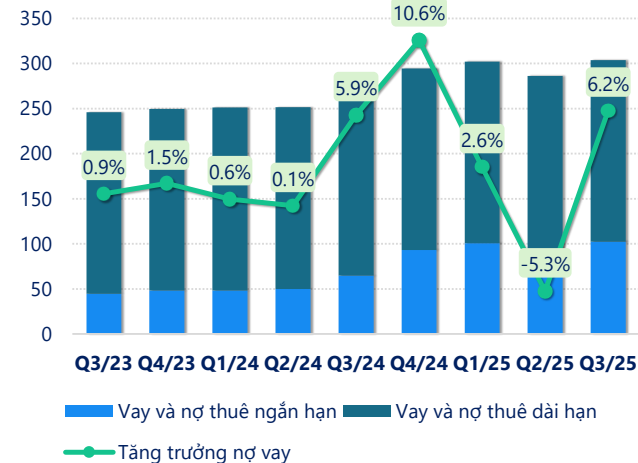
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

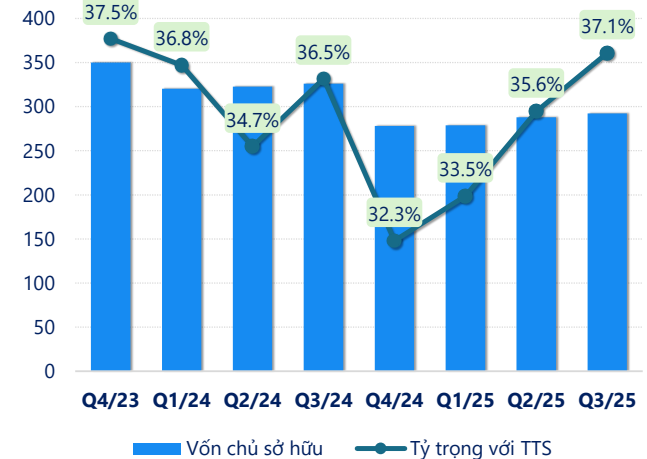
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

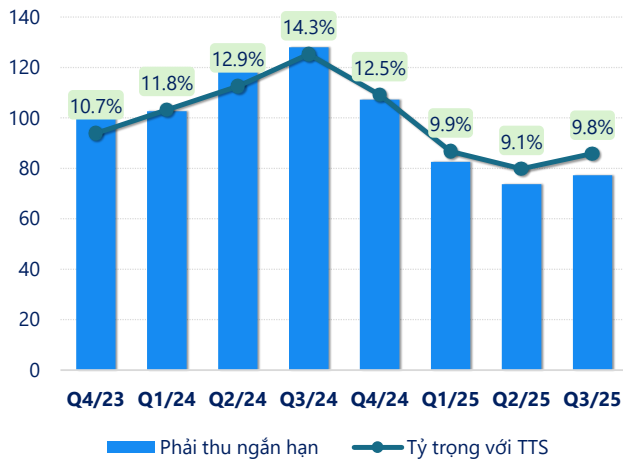
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



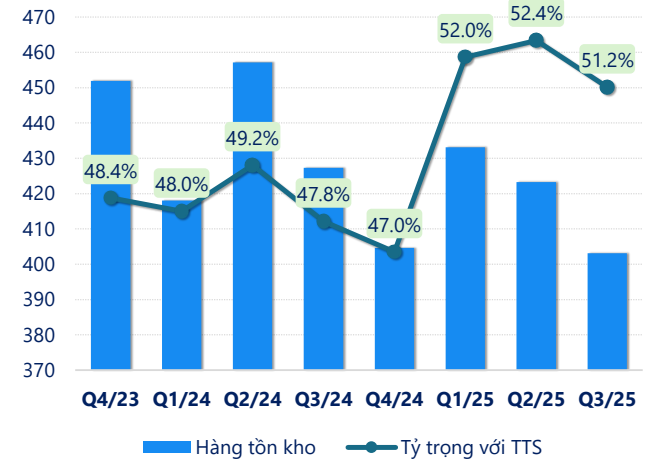
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


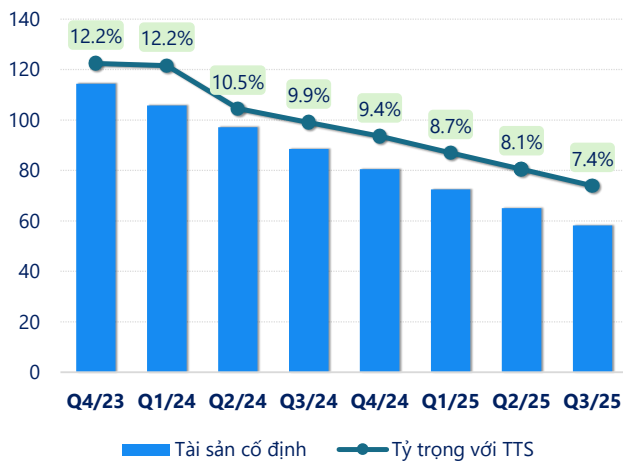
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


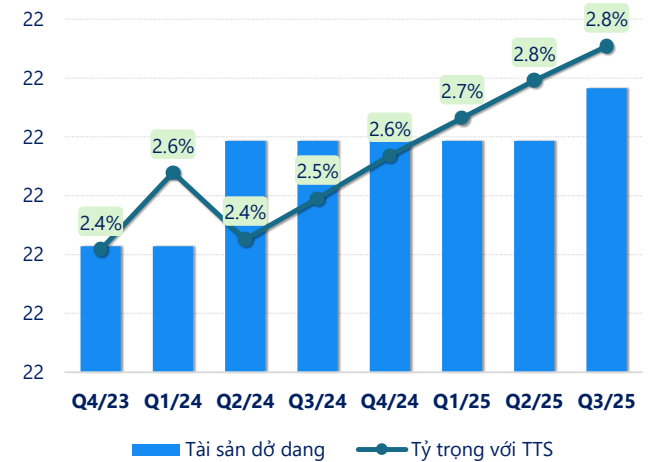
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

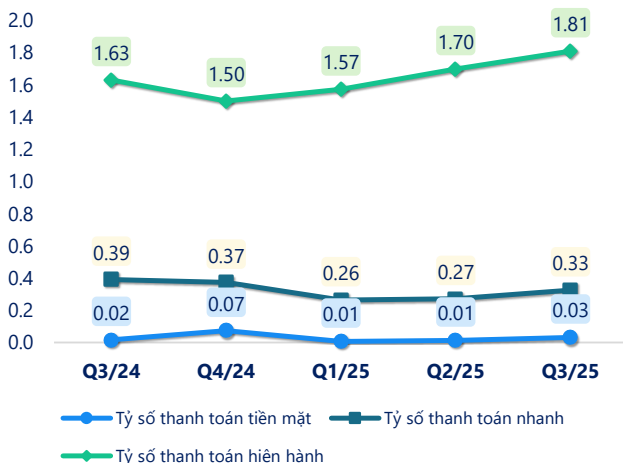
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

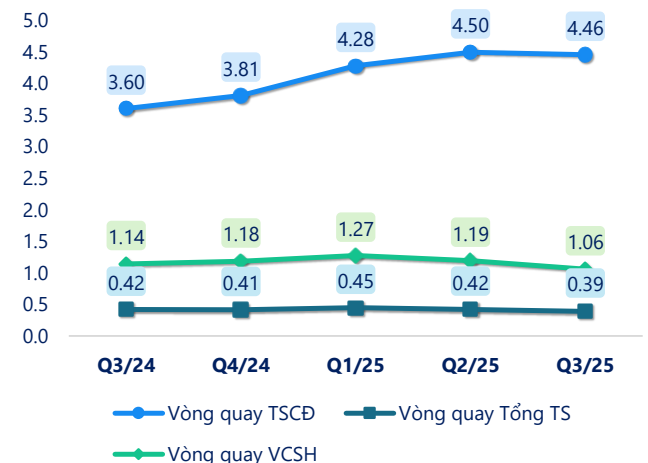
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	894	861	833	808	787
Tài sản ngắn hạn	562	538	520	504	491
Tiền và tương đương tiền	5.92	26.4	2.19	3.90	8.66
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	128	107	82.6	73.7	77.2
Hàng tồn kho	427	405	433	423	403
Tài sản ngắn hạn khác	0.79	0.03	2.45	2.88	2.40
Tài sản dài hạn	332	322	313	304	296
Phải thu dài hạn	2.53	2.53	2.66	2.66	2.66
Tài sản cố định	88.6	80.5	72.5	65.1	58.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	22.3	22.3	22.3	22.3	22.3
Đầu tư tài chính dài hạn	202	202	202	202	202
Tài sản dài hạn khác	17.2	15.5	13.9	12.5	11.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	546	560	533	498	473
Nợ ngắn hạn	345	359	331	296	272
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.7	93.0	101	84.6	102
Phải trả người bán ngắn hạn	89.2	79.5	81.4	62.0	39.1
Nợ dài hạn	202	202	202	202	202
Vay và nợ thuê dài hạn	202	202	202	202	202
Nguồn vốn chủ sở hữu	348	300	301	310	314
Vốn chủ sở hữu	326	278	279	288	292
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	21.9	21.9	21.9	21.9	21.9

(Nguồn: fireant.vn)